



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cấp nước Ninh Thuận

Ngày 31/12/2024	56,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.2%	4.6%	7.2%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
43.0%
YoY: +/-▲ 0.4%

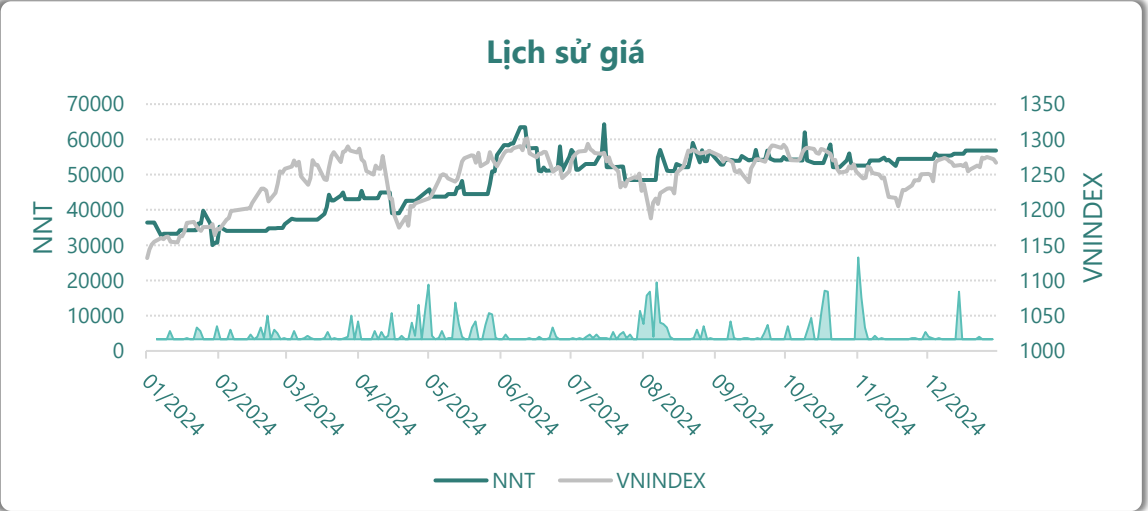
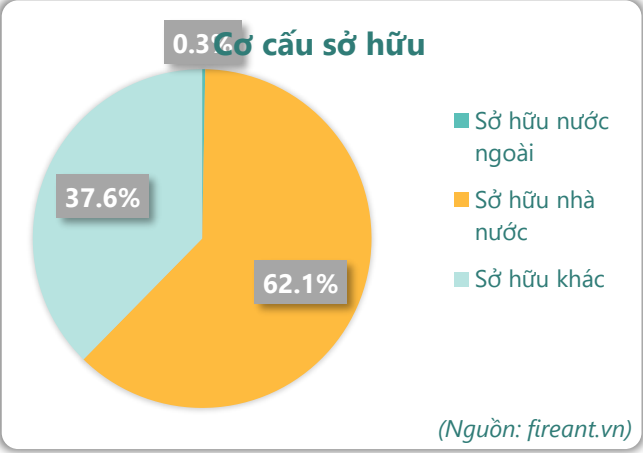
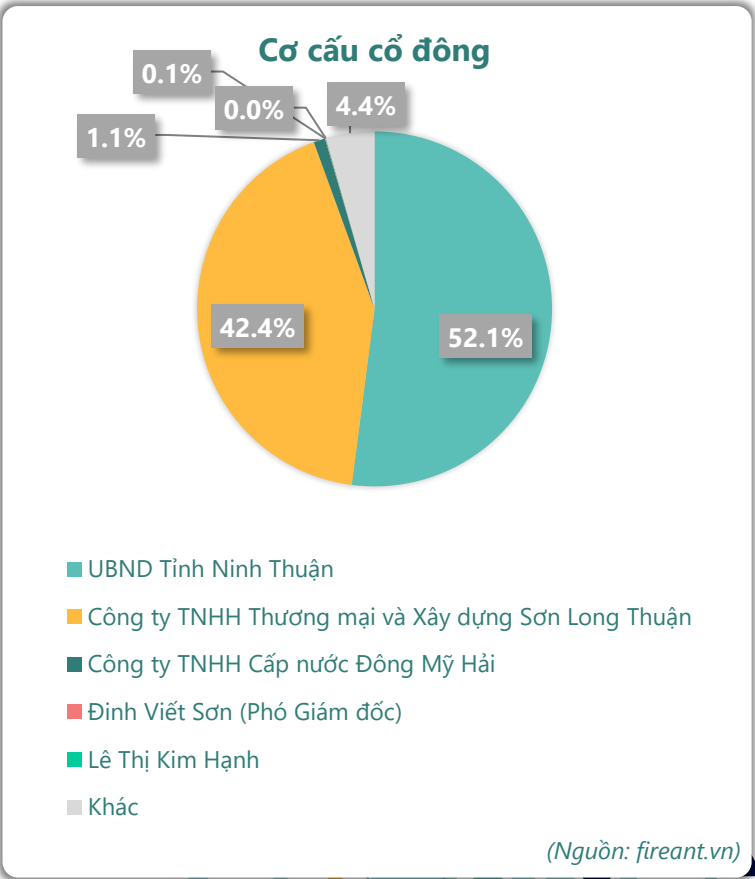
ROE 2024
28.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	30,013 - 64,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	539
Số lượng CPLH (CP)	9,490,841
KLGD BQ 20 phiên (CP)	180
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.87
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
214
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.0 6.6%

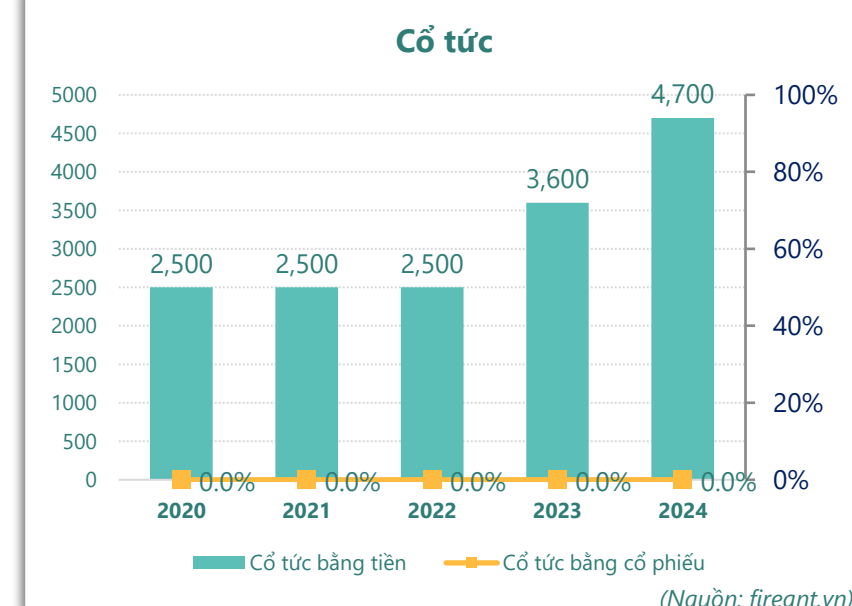
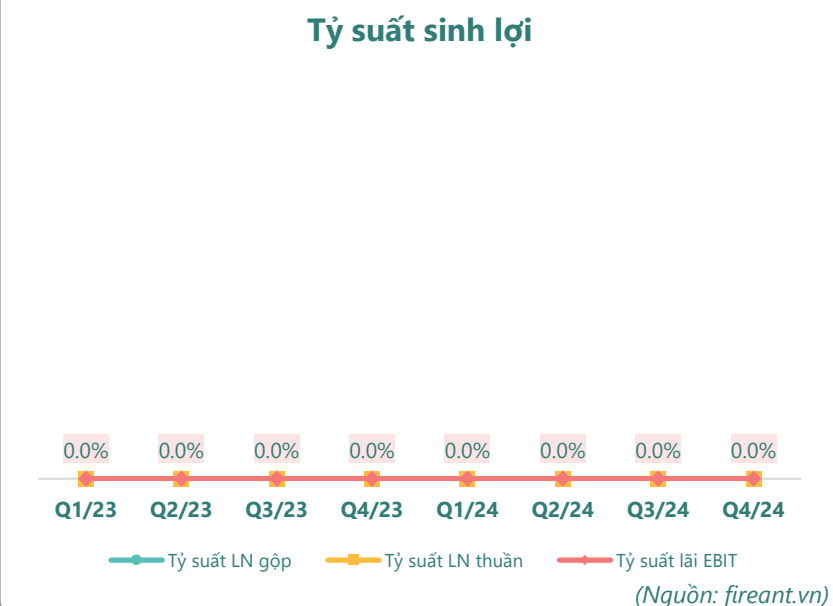
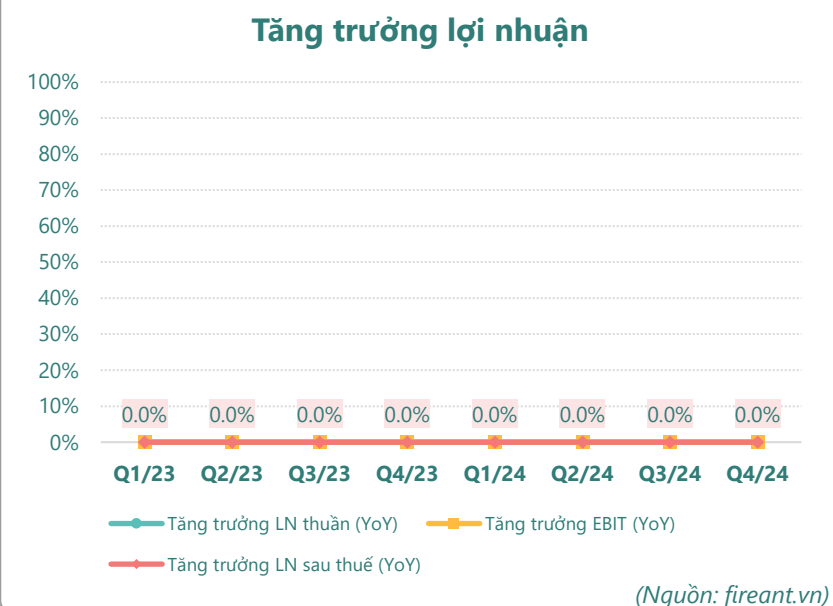
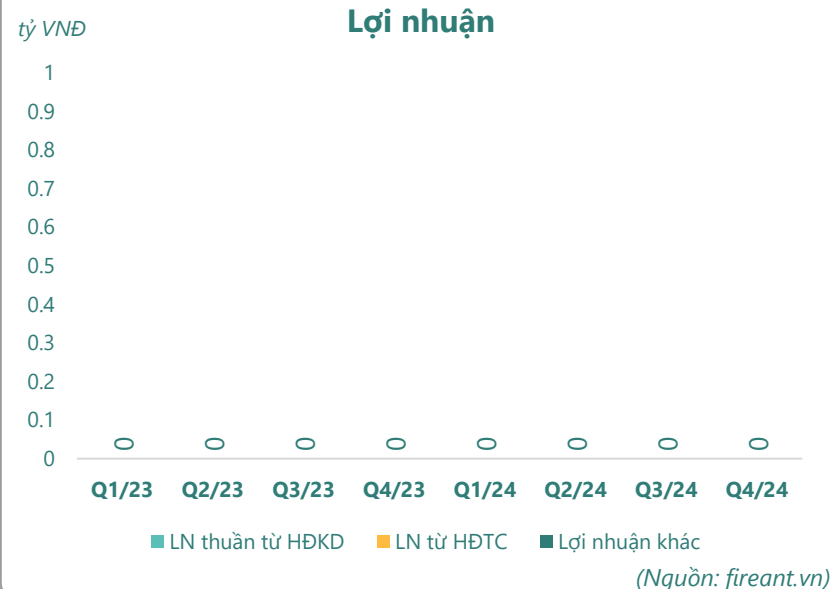
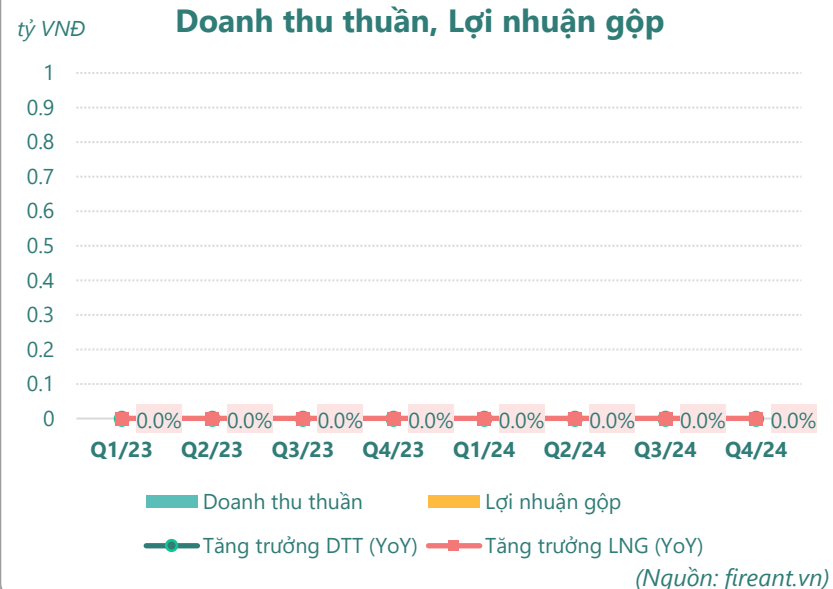
LN thuần 2024
86.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00 7.5%

LN sau thuế 2024
78.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40 8.9%





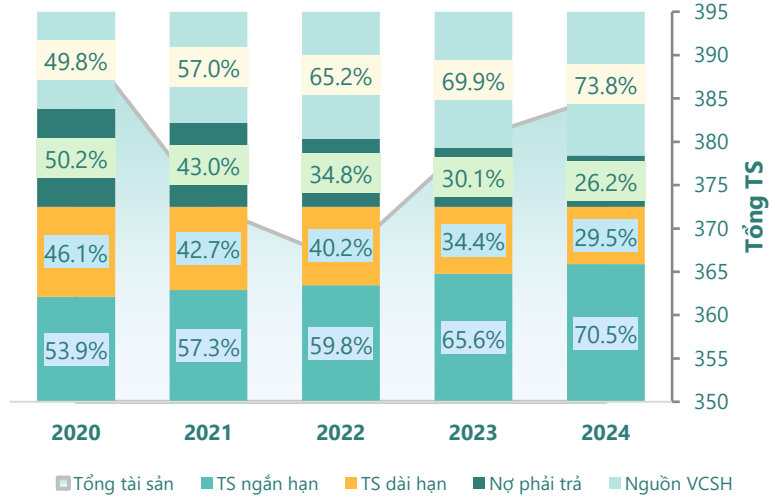
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

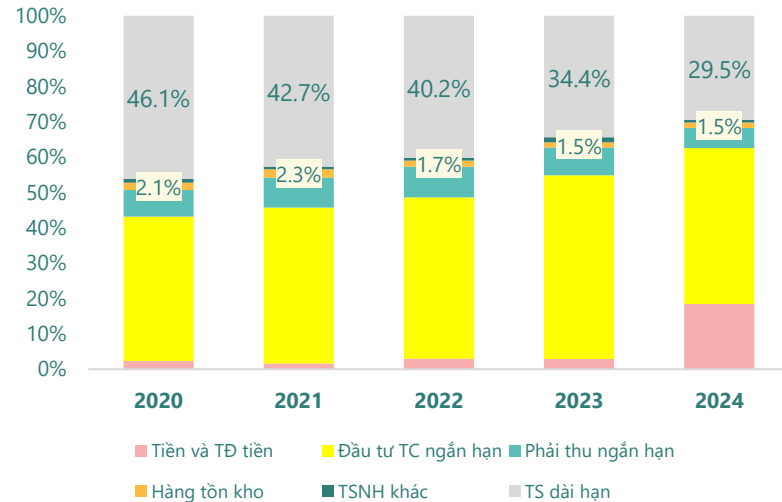
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

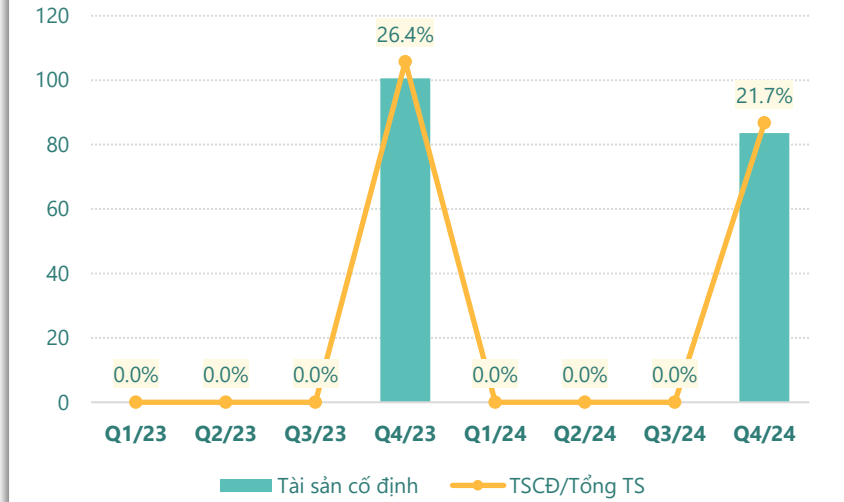
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

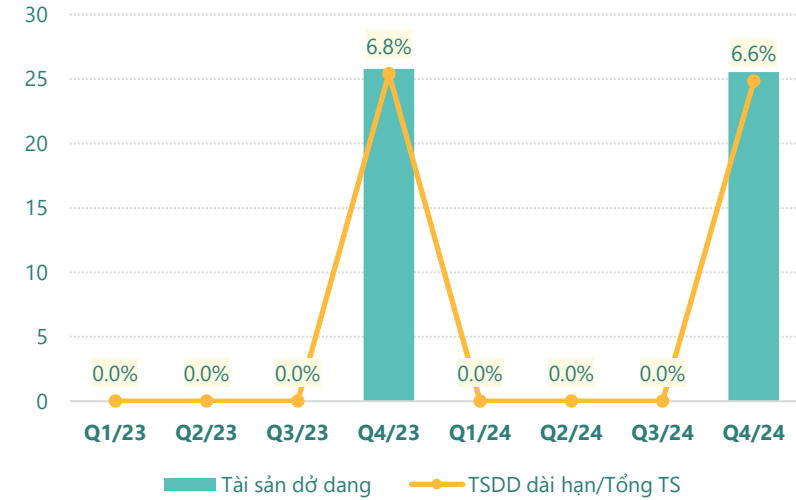
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

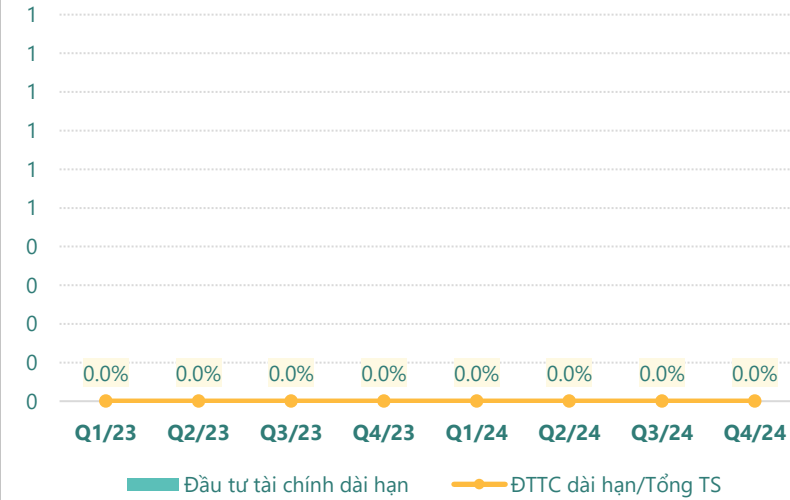
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

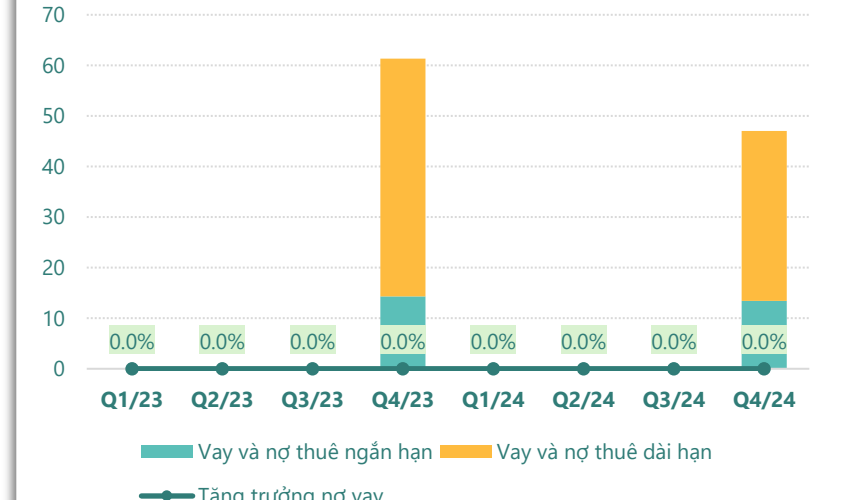
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

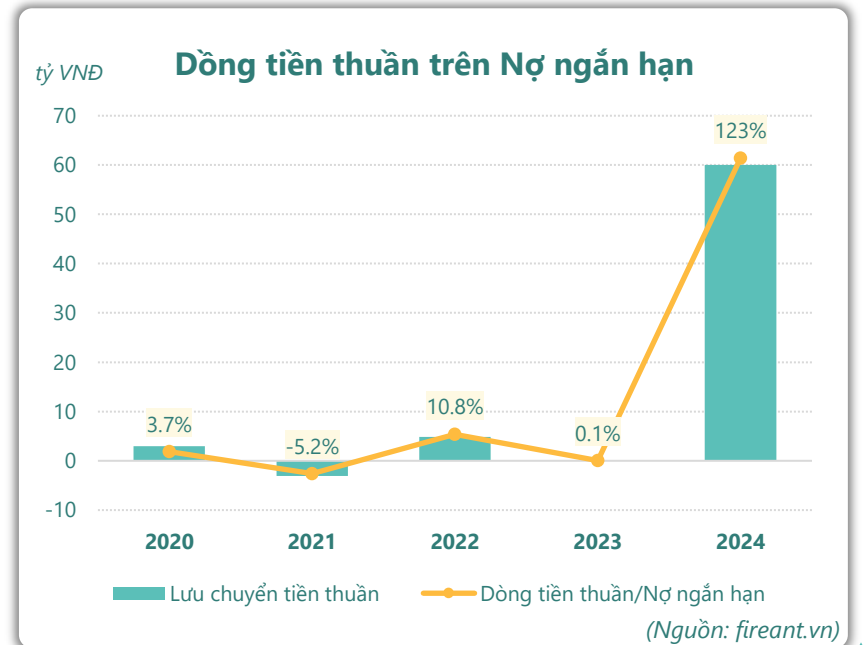
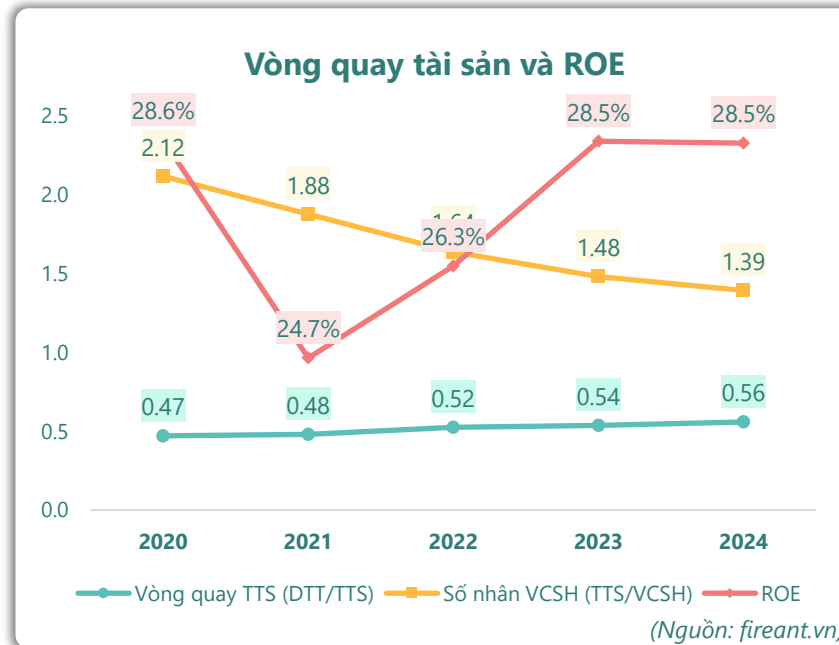
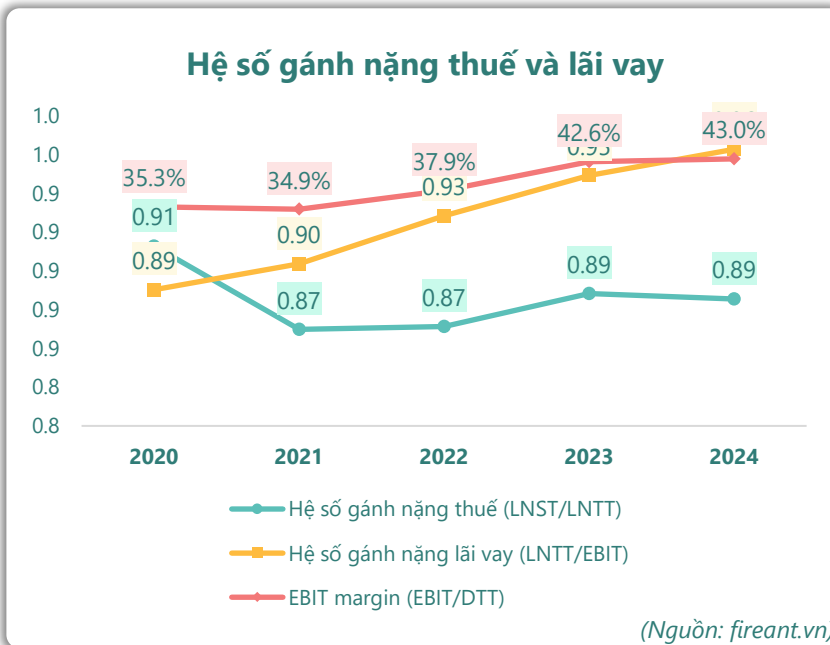
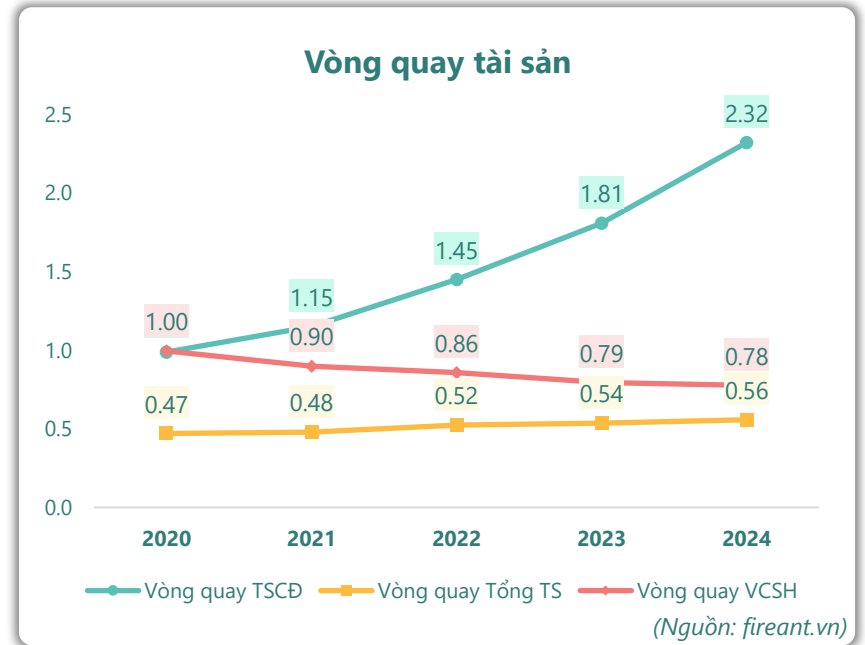
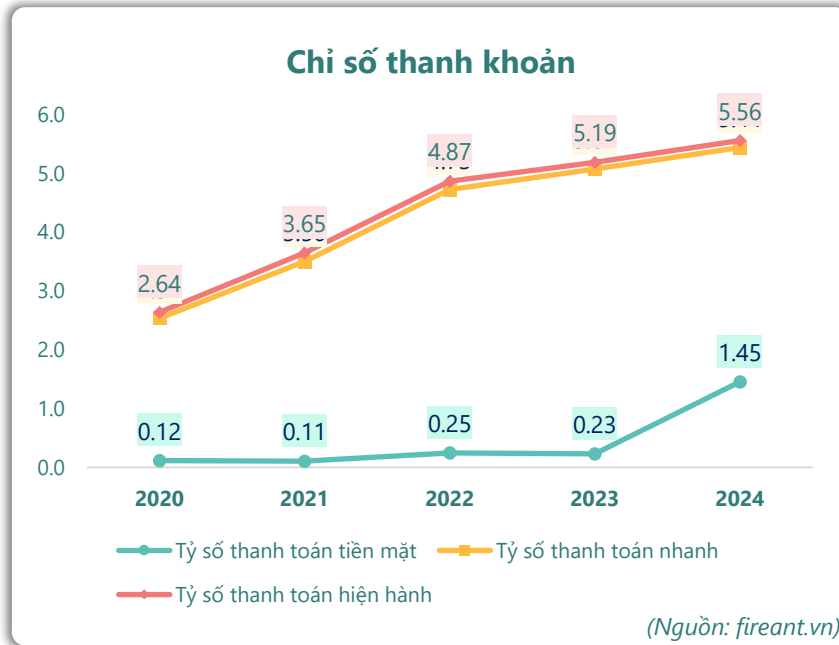
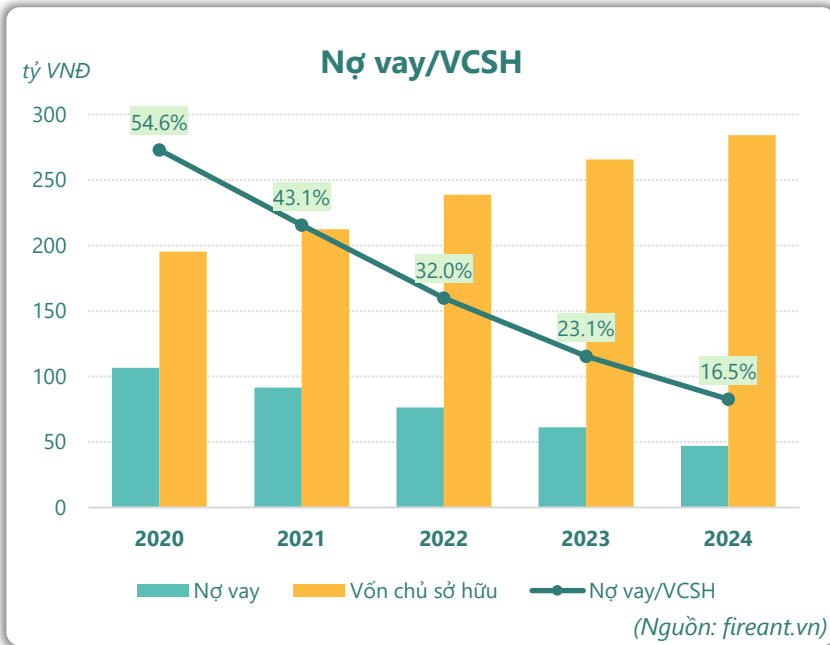
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)

	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				214	201	6.6%
Giá vốn hàng bán				122	119	2.5%
Lợi nhuận gộp				91.8	81.6	12.5%
Doanh thu HĐTC				10.6	12.7	-17.0%
Chi phí TC				3.43	4.34	-20.8%
Chi phí lãi vay				3.43	4.34	-20.8%
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				5.05	4.73	6.8%
Chi phí QLDN				7.48	4.88	53.3%
LN thuần từ HĐKD				86.4	80.4	7.5%
Lợi nhuận khác				2.12	0.70	203%
LN trước thuế				88.6	81.1	9.2%
Lợi nhuận sau thuế				78.4	72.0	8.9%
LNST của CĐ cty mẹ				78.4	72.0	8.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)

	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	385	380	1.3%
Tài sản ngắn hạn	272	250	8.9%
Tiền và tương đương tiền	71.1	11.1	541%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	170	198	-14.0%
Phải thu ngắn hạn	22.1	29.9	-26.0%
Hàng tồn kho	5.86	5.61	4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	2.86	5.33	-46.3%
Tài sản dài hạn	114	131	-13.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	83.5	101	-16.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.5	25.8	-1.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.48	4.47	0.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	101	115	-11.9%
Nợ ngắn hạn	48.9	48.1	1.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.4	14.3	-6.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.49	5.85	-6.2%
Nợ dài hạn	52.1	66.6	-21.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	33.6	47.0	-28.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	284	266	7.0%
Vốn chủ sở hữu	284	266	7.0%
Vốn điều lệ	94.9	94.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

